

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện  
Taya (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy phép Đầu tư số</b>	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006

**Do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp**

414/GPĐC1-BKH-KCN-DN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
414/GPĐC2-BKH-KCN-DN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
414/GPĐC3-BKH-KCN-DN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007

**Do Chính quyền Khu Công Nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp**

Giấy phép đầu tư và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày ghi trên Giấy phép đầu tư đầu tiên.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Shen Shang Pang	Chủ tịch
	Ông Shen Shang Tao	Phó Chủ tịch
	Ông Shen Shang Hung	Thành viên
	Ông Chen Ping Sen	Thành viên (đến ngày 3 tháng 9 năm 2007)
	Ông Shen San Yi	Thành viên
	Ông Wang Yen Huang	Thành viên (từ ngày 3 tháng 9 năm 2007)
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Wang Yen Huang	Tổng Giám đốc (từ ngày 3 tháng 9 năm 2007)
	Ông Chen Ping Sen	Tổng Giám đốc (đến ngày 3 tháng 9 năm 2007)
	Ông Chiu Chin Teng	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

**Trụ sở chính**

Khu Công nghiệp Biên Hòa II  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Chi nhánh**

Làng Cẩm Điền  
Quận Cẩm Giàng  
Tỉnh Hải Dương  
Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi Ban Giám Đốc**

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

### **Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày, , được trình bày từ trang 4 đến trang 28. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám Đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo ngày 27 tháng 3 năm 2007, trình bày ý kiến loại trừ về các báo cáo tài chính này.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá tổng quan việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Loại trừ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, Công ty đã quy đổi các khoản mục tài sản và nợ phải trả từ đồng Đô la Mỹ sang tiền đồng Việt Nam với tỷ giá là 16.051 đồng Việt Nam đối 1 Đô la Mỹ. Nếu Công ty áp dụng tỷ giá liên ngân hàng là 16.101 đồng Việt Nam đối 1 Đô la Mỹ, lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 giảm 2.329.887.000 đồng Việt Nam. Báo cáo của các kiểm toán tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến loại trừ phần này.

## **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề loại trừ đối với những số liệu so sánh, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các phương diện trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc từ ngày 31 tháng 12 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

---

### **Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy phép Đầu tư số: 863/GP

Báo cáo kiểm toán số: 07-01-138

---

Chong Kwang Puay

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

*Tổng Giám đốc*

---

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh,

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2007 VNĐ'000</b>	<b>2006 VNĐ'000 (Điều chỉnh lại)</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>737.316.214</b>	<b>894.860.107</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>38.983.489</b>	<b>39.276.246</b>
Tiền	111		38.983.489	39.276.246
<b>Các khoản phải thu - ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>252.638.977</b>	<b>258.530.676</b>
Phải thu – thương mại	131		278.719.436	257.219.696
Trả trước cho người bán	132		178.362	3.066.390
Phải thu khác	135		4.543	16.504
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(26.263.364)	(1.771.914)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>440.469.595</b>	<b>586.486.947</b>
Hàng tồn kho	141		446.666.893	606.846.691
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.197.298)	(20.359.744)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.224.153</b>	<b>10.566.238</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.951.647	4.345.116
Thuế và các khoản phải thu từ Ngân sách Nhà nước	154	7	2.271.506	6.220.122
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.000	1.000
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>264.318.186</b>	<b>252.426.038</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>256.951.547</b>	<b>242.853.539</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	255.582.846	228.521.488
Nguyên giá	222		414.961.891	358.435.546
Khấu hao lũy kế	223		(159.379.045)	(129.914.058)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	1.368.701	14.332.051
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>42.400</b>	<b>42.400</b>
Đầu tư dài hạn khác	258		42.400	42.400
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.324.239</b>	<b>9.530.099</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	4.090.816	8.712.102
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	3.233.423	817.997
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.001.634.400</b>	<b>1.147.286.145</b>

*Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2007 VNĐ'000</b>	<b>2006 VNĐ'000 (Điều chỉnh lại)</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>656.585.722</b>	<b>796.319.343</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	508.144.052	650.448.667
Phải trả – thương mại	312		15.557.379	9.494.710
Người mua trả tiền trước	313		9.663.337	1.499.512
Phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	13	6.615.363	3.602.019
Phải trả công nhân viên	315		4.131.945	4.602.223
Chi phí phải trả	316		2.001.003	899.359
Phải trả nội bộ	317	14	107.312.380	124.839.451
Phải trả khác	319	15	3.160.263	933.402
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>38.488.552</b>	<b>51.908.179</b>
Vay và nợ dài hạn	334	16	35.915.149	50.159.085
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		2.573.403	1.749.094
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>306.560.126</b>	<b>299.058.623</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>306.560.126</b>	<b>299.058.623</b>
Vốn cổ phần	411	18	265.735.481	241.584.081
Cổ phiếu ngân quỹ	412	18	(272.840)	(202.040)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		13.254.507	10.007.515
Dự trữ tài chính	418		6.627.253	5.003.757
Lợi nhuận chưa phân phối	420		21.215.725	42.665.310
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.001.634.400</b>	<b>1.147.286.145</b>

Người lập:

Người duyệt:

Cheng Yu Mei  
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2007 VNĐ'000</b>	<b>2006 VNĐ'000 (Điều chỉnh lại)</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>19</b>	<b>1.377.585.548</b>	<b>1.288.383.461</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>		<b>(2.365.547)</b>	<b>(924.704)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>1.375.220.001</b>	<b>1.287.458.757</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>20</b>	<b>(1.270.908.267)</b>	<b>(1.190.508.631)</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>104.311.734</b>	<b>96.950.126</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	4.469.428	2.049.469
Chi phí hoạt động tài chính	22	22	(43.524.073)	(34.986.958)
Chi phí bán hàng	24		(19.883.604)	(18.854.325)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(44.125.096)	(21.003.323)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.248.389</b>	<b>24.154.989</b>
<b>Kết quả của các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31	23	14.380.688	9.592.896
Chi phí khác	32	24	(8.375.458)	(325.675)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>7.253.619</b>	<b>33.422.210</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	51	25	(1.268.760)	5.962.232
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	52	25	2.415.427	817.997
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>60</b>		<b>8.400.286</b>	<b>28.277.975</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	26	0.32	1.06

Người lập:

Người duyệt:

Cheng Yu Mei  
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

	<b>Vốn cổ phần VNĐ'000</b>	<b>Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ'000</b>	<b>Dự trữ tài chính VNĐ'000</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000</b>	<b>Tổng VNĐ'000</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2006 (như báo cáo)</b>	182.676.271	-	10.723.224	89.349.160	282.748.655
Sửa chữa sai sót (Thuyết minh 3)	-	-	-	(9.214.052)	(9.214.052)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 (đã điều chỉnh)</b>	182.676.271	-	10.723.224	80.135.108	273.534.603
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	58.907.810	-	-	(58.907.810)	-
Chuyển sang quỹ dự trữ	-	-	5.846.123	(5.846.123)	-
Lợi nhuận thuần trong năm (đã điều chỉnh)	-	-	-	28.277.975	28.277.975
Cổ phiếu ngân quỹ	-	(202.040)	-	-	(202.040)
Phí Hội đồng Quản trị	-	-	(1.558.075)	(993.840)	(2.551.915)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2006</b>	241.584.081	(202.040)	15.011.272	42.665.310	299.058.623
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007 (như báo cáo)</b>	241.584.081	(202.040)	15.011.272	56.071.310	312.464.623
Sửa chữa sai sót (Thuyết minh 3)	-	-	-	(13.406.000)	(13.406.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007 (đã điều chỉnh)</b>	241.584.081	(202.040)	15.011.272	42.665.310	299.058.623
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	24.151.400	-	-	(24.151.400)	-
Chuyển sang quỹ dự trữ	-	-	4.870.488	(4.870.488)	-
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	8.400.286	8.400.286
Cổ phiếu ngân quỹ	-	(70.800)	-	-	(70.800)
Phí Hội đồng Quản trị	-	-	-	(827.983)	(827.983)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2007</b>	265.735.481	(272.840)	19.881.760	21.215.725	306.560.126

Người lập:

Người duyệt:

Cheng Yu Mei  
Kế toán trưởng

Wang Yen Huang  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>7.253.619</b>	<b>33.422.210</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		31.102.612	27.113.359
Dự phòng	03		11.246.404	21.365.290
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(363.240)	(151.420)
(Lãi)/lỗ thanh lý tài sản cố định	05		(2.216.212)	5.146
Lãi tiền gửi			(585.117)	(985.387)
Chi phí lãi vay	06		38.807.686	28.150.676
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>85.245.752</b>	<b>108.919.874</b>
Tăng các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(16.194.389)	(60.803.491)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10		160.179.798	(363.953.440)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và nợ khác	11		1.016.804	(11.051.677)
Giảm chi phí trả trước	12		7.509.314	4.527.334
			<b>237.757.279</b>	<b>(322.361.400)</b>
Lãi vay đã trả	13		(37.507.464)	(26.919.741)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.220.064)	(8.764.107)
(Chi)/thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		(827.983)	5.263.074
<b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>198.201.768</b>	<b>(352.782.174)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(50.430.489)	(64.835.365)
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	22		7.446.080	151.562
Thu lãi tiền gửi	27		585.117	985.387
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(42.399.292)</b>	<b>(63.698.416)</b>

*Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2007 VNĐ'000</b>	<b>2006 VNĐ'000</b>
<b>CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền mua lại cổ phiếu ngân quỹ	32		(70.800)	(202.040)
Tiền thu từ nợ	33		1.119.163.631	1.363.849.439
Tiền chi trả lại nợ	34		(1.275.188.064)	(1.014.568.346)
<b>Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(156.095.233)</b>	<b>349.079.053</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(292.757)</b>	<b>(67.401.537)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>39.276.246</b>	<b>106.677.783</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>38.983.489</b>	<b>39.276.246</b>

*Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 28 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Hoạt động chính**

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam với hoạt động chính là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 414/CPH/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (“BKHDĐT”) cấp ngày 7 tháng 10 năm 2005. Trước khi được cấp giấy phép công ty cổ phần Công ty được thành lập như là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài theo Giấy phép Đầu tư số 414/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 9 năm 1992.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập chi nhánh, bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPDC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 Công ty có 573 nhân viên (2006: 609 nhân viên).

## **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng nghìn Đồng Việt Nam (“VNĐ’000”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam, được lập trên cơ sở giá gốc.

### **(b) Năm tài chính**

Năm tài chính của Trụ sở chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Tài sản và công nợ tiền tệ có gốc tiền tệ khác với VNĐ được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại tiền khác VNĐ trong năm được chuyển đổi sang VNĐ theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá quy định tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã và chưa thực hiện được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Trụ sở chính của Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà xưởng và công trình xây dựng	7 – 35 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ Thiết bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ Tài sản khác	2 – 7 năm

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí hội viên câu lạc bộ golf**

Chi phí hội viên câu lạc bộ golf được hạch toán theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 37 năm đến 40 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ sử dụng trên một năm được ghi nhận như trả trước dài hạn và được hạch toán trong thời gian từ một đến ba năm.

**(j) Phải trả thương mại và phải trả khác**

Phải trả thương mại và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(k) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế này liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm theo thuế suất được ban hành hoặc cơ bản ban hành vào ngày lập bảng cân đối kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập báo cáo tài chính và số liệu sử dụng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên việc ước tính khả năng thực hiện hoặc thanh toán giá trị sổ sách của tài sản và công nợ sử dụng mức thuế suất có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế hoãn lại chỉ được ghi nhận trong trường hợp chắc chắn rằng lợi nhuận chịu thuế trong tương lai có thể cản trở vào tài sản thuế này. Tài sản thuế hoãn lại được ghi giảm trong trường hợp không còn chắc chắn rằng các lợi ích về thuế này sẽ được thực hiện.

**(m) Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có sự không chắc chắn đáng kể liên quan khả năng thu hồi công nợ hoặc có khả năng hàng bán bị trả lại.

**(n) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa như một phần của nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

**(o) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hay lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

**(p) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**3. Sửa chữa sai sót**

Công ty đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các năm 2004, 2005 và 2006 dựa trên mức giảm 50% thuế suất theo quyết định số 9697/BTC-TCDN do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 8 năm 2005. Quyết định này dựa theo Thông tư số 128/2003/TT-BTC và Thông tư số 88/2004/TT-BTC.

Vào ngày 16 tháng 9 năm 2005, Tổng cục thuế, Bộ Tài Chính, đã gửi Công văn số 11684/BTC-TCT không cho phép giảm thuế nhiều hơn những ưu đãi thuế đã cho trong Giấy phép Đầu tư. Vào ngày 26 tháng 12 năm 2006, Cục thuế tỉnh Đồng Nai đã gửi công văn, dựa theo Công Văn số 11684/BTC-TCT, yêu cầu Công ty nộp thêm thuế cho các năm 2004, 2005 và 2006. Công ty đã nộp thêm khoản thuế là 15.777.804.000 VNĐ vào năm 2006 và 2007 cho các năm tài chính 2004, 2005, 2006 và trả trước cho năm tài chính 2007 và ghi khoản thuế phải thu vì Ban Giám đốc tin rằng quyết định ban hành ngày 2 tháng 8 năm 2005 phải được áp dụng và Công ty sẽ được hoàn lại khoản đó.

Năm 2007, Cục thuế tỉnh Đồng Nai đã gửi kết luận cuối cùng đến Công ty sau khi kiểm tra thuế, xác nhận rằng Công ty phải áp dụng Công văn số 11684/BTC-TCT và Công ty phải nộp thuế suất đầy đủ cho các năm 2004, 2005 và 2006. Công ty ghi giảm khoản thuế trả trước và hạch toán việc ghi giảm này như một sửa chữa sai sót của những năm trước. Do vậy, thuế thu nhập doanh nghiệp cho các năm 2004 và 2005 là 9.214.052.000 VNĐ được điều chỉnh vào lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 và thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm 2006 là 4.191.948.000 VNĐ được tính vào thu nhập năm 2006.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
Tiền mặt	4.148.017	2.424.384
Tiền gửi ngân hàng	34.835.472	36.851.862
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>38.983.489</u>	<u>39.276.246</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, trong số dư tiền có số ngoại tệ tương đương 4.129 triệu VNĐ (2006: 6.324 triệu VNĐ).

**5. Các khoản phải thu – ngắn hạn**

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
Số dư đầu năm	1.771.914	766.368
Dự phòng tăng trong năm	24.491.450	1.005.546
Số dư cuối năm	<u>26.263.364</u>	<u>1.771.914</u>

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**6. Inventories**

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
Hàng mua đang đi trên đường	51.512.531	93.438.733
Nguyên vật liệu	129.825.504	162.476.927
Công cụ và dụng cụ	-	208.038
Chi phí sản xuất dở dang	89.389.762	149.318.151
Thành phẩm	175.939.096	201.404.842
	<hr/>	<hr/>
	446.666.893	606.846.691
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.197.298)	(20.359.744)
	<hr/>	<hr/>
	440.469.595	586.486.947
	<hr/>	<hr/>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
Số dư đầu năm	20.359.744	-
Dự phòng tăng trong năm	-	20.359.744
Hoàn nhập	(14.162.446)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	6.197.298	20.359.744
	<hr/>	<hr/>

**7. Thuế và các khoản phải thu từ Ngân sách Nhà nước**

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.168.462	5.068.382
Thuế nộp thừa vào Ngân sách Nhà nước	1.103.044	1.151.740
	<hr/>	<hr/>
	2.271.506	6.220.122
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà xưởng và công trình xây dựng VNĐ'000</b>	<b>Máy móc và thiết bị VNĐ'000</b>	<b>Thiết bị vận chuyển VNĐ'000</b>	<b>Đồ đạc và lắp đặt VNĐ'000</b>	<b>Tài sản khác VNĐ'000</b>	<b>Tổng VNĐ'000</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	141.255.861	202.100.054	8.167.160	1.784.491	5.127.980	358.435.546
Tăng trong năm	674.338	49.176.739	33.100	81.060	142.396	50.107.633
Thanh lý	-	(6.830.185)	(15.785)	(21.523)	-	(6.867.493)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	986.752	12.238.990	-	-	60.463	13.286.205
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>142.916.951</b>	<b>256.685.598</b>	<b>8.184.475</b>	<b>1.844.028</b>	<b>5.330.839</b>	<b>414.961.891</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	28.044.944	94.347.143	4.088.509	1.430.625	2.002.837	129.914.058
Khấu hao trong năm	7.288.986	21.907.272	1.097.724	134.062	674.568	31.102.612
Thanh lý	-	(1.601.933)	(15.785)	(19.907)	-	(1.637.625)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>35.333.930</b>	<b>114.652.482</b>	<b>5.170.448</b>	<b>1.544.780</b>	<b>2.677.405</b>	<b>159.379.045</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư cuối năm	107.583.021	142.033.116	3.014.027	299.248	2.653.434	255.582.846
Số dư đầu năm	113.210.917	107.752.911	4.078.651	353.866	3.125.143	228.521.488

Trong tài sản cố định hữu hình có số tài sản với nguyên giá là 40.422 triệu VNĐ đã khấu hao hết tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 (2006: 36.892 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 106.724 triệu VNĐ (2006: 100.936 triệu VNĐ) đã được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**9. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
Số dư đầu năm	14.332.050	2.739.132
Tăng trong năm	322.856	54.829.659
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(13.286.205)	(42.867.324)
Chuyển sang tài sản khác	-	(369.417)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.368.701	14.332.050
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**10. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
Số dư đầu năm	8.712.102	9.258.629
Tăng trong năm	870.130	3.229.862
Phân bổ trong năm	(5.491.416)	(3.776.389)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.090.816	8.712.102
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các khoản nợ**

**(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản sau:

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
Tài sản cố định	41.469	82.939
Dự phòng	2.626.208	169.312
Giá trị thuế trong số lỗ mang sang được ghi nhận	565.746	565.746
	<hr/>	<hr/>
	3.233.423	817.997
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
Vay ngắn hạn	470.894.413	623.495.799
Nợ dài hạn đến hạn trả	37.249.639	26.952.868
	<hr/>	<hr/>
	508.144.052	650.448.667
	<hr/>	<hr/>

	<b>Khoản tín dụng</b>	<b>Lãi suất vay</b>	<b>2007</b>	<b>2006</b>
		<b>trên năm</b>	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	6.000.000 Đô la Mỹ	SIBOR+1,15%	80.646.754	86.348.012
Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Hà Nội	10.000.000 Đô la Mỹ	SIBOR+1,15 % hoặc 1,25%	42.413.838	80.646.214
Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	6.000.000 Đô la Mỹ	SIBOR+1,15%	27.349.430	96.300.864
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	3.000.000 Đô la Mỹ 1.200.000 Đô la Mỹ	SIBOR 6 tháng + 1% SIBOR 6 tháng + 1%	27.755.015 -	48.153.000 19.004.190
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	3.200.000 Đô la Mỹ	SIBOR 6 tháng + 1%	28.023.737	31.877.515
Ngân hàng ANZ, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4.000.000 Đô la Mỹ	SIBOR+0,95%	27.972.899	64.204.000
Ngân hàng Far East National, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	7.000.000 Đô la Mỹ	SIBOR 6 tháng + 1%	58.625.782	80.127.590
Ngân hàng First Commercial, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5.800.000 Đô la Mỹ	SIBOR+1%	46.255.279	70.419.086
Ngân hàng Thương mại Việt Nam, Chi nhánh Hải	3.700.000 Đô la Mỹ	6%	57.308.029	46.415.328

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

Dương

	Khoản tín dụng	Lãi suất vay trên năm	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	3.000.000 Đô la Mỹ	SIBOR 6 tháng + 1%	29.618.841	-
Ngân hàng Thương mại Á Châu, Chi nhánh Hưng Yên	5.000.000 Đô la Mỹ	SIBOR 6 tháng + 1,15%	44.924.809	-
			470.894.413	623.495.799
Vay dài hạn đến hạn trả			37.249.639	26.952.868
			508.144.052	650.448.667

- a. Khoản vay từ Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh phản ánh 2 khoản tín dụng mỗi khoản 3.000.000 Đô la Mỹ. Khoản đầu tiên được bảo đảm bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch. Khoản thứ hai được bảo đảm bởi Ông Shen Shang và được bảo lãnh bằng một vài máy móc, thiết bị tại Chi nhánh của Công ty tại Tỉnh Hải Dương, Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 41.797 triệu VNĐ ((2006: 50.318 triệu VNĐ).
- b. Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng ANZ, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Far East National, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng First Commercial, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được bảo đảm bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- c. Các khoản vay từ Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại Á Châu, Chi nhánh Hưng Yên, Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Việt Nam, Chi nhánh Hải Dương không được bảo đảm.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**13. Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước**

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
<b>Thuế</b>		
Thuế giá trị gia tăng	6.548.642	3.234.832
Thuế xuất-nhập khẩu	10.764	299.188
Thuế thu nhập cá nhân	55.957	67.999
Thuế đất		-
	<b>6.615.363</b>	<b>3.602.019</b>

**14. Phải trả nội bộ**

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
<b>Phải trả cho các công ty liên quan</b>		
Thương mại	107.312.380	124.839.451
	<b>107.312.380</b>	<b>124.839.451</b>

**15. Phải trả khác**

Phải trả khác bao gồm:

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ'000</b>	<b>VNĐ'000</b>
Bảo hiểm xã hội	46.958	43.769
Bảo hiểm sức khỏe	7.082	6.566
Ký quỹ ngắn hạn từ người bán	3.064.148	840.817
Phải trả khác	42.075	42.250
	<b>3.160.263</b>	<b>933.402</b>

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi một nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó theo số năm làm việc của người đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được tính trên cơ sở mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**16. Vay và nợ dài hạn**

	<b>Khoản tín dụng</b>	<b>Lãi suất vay trên năm</b>	<b>2007 VNĐ'000</b>	<b>2006 VNĐ'000</b>
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai	2.741.880 Đô la Mỹ	SIBOR 6 month +1,15%	34.398.595	20.662.935
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	500.000 Đô la Mỹ	SIBOR 6 tháng + 0,55%	510.190	1.524.593
	450.000 Đô la Mỹ	SIBOR 6 tháng + 1,25%	1.866.523	3.718.457
	350.000 Đô la Mỹ	SIBOR 6 tháng + 1,10%	3.759.934	4.993.645
Ngân hàng Australia New Zealand, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.000.000 Đô la Mỹ	SIBOR 3 tháng +1,30%	11.915.370	9.495.335
Ngân hàng Chinfon Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	4.600.000 Đô la Mỹ	SIBOR+1,25%	20.714.176	36.716.988
			73.164.788	77.111.953
Hoàn trả trong vòng 12 tháng			(37,249,639)	(26.952.868)
Hoàn trả sau 12 tháng			35,915,149	50.159.085

- a. Khoản vay từ Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai được bảo đảm bằng nhà xưởng mới tại trụ sở chính của Công ty tại Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 34.766 triệu VNĐ (2006: 24.942 triệu VNĐ). Khoản vay này được hoàn trả trong 9 kỳ sáu tháng đều nhau bắt đầu từ ngày 8 tháng 5 năm 2007.
- b. Các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được bảo lãnh bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch và được bảo đảm bằng một số nhà xưởng, máy móc và thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 14.992 triệu VNĐ (2006: 17.307 triệu VNĐ). Khoản vay này được hoàn trả trong 9 kỳ sáu tháng đều nhau bắt đầu lần lượt từ ngày 1 tháng 8 năm 2005, ngày 25 tháng 11 năm 2005 và ngày 16 tháng 9 năm 2006.
- c. Khoản vay từ Ngân hàng Australia New Zealand, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được bảo đảm bằng một số máy móc, thiết bị tại trụ sở chính của Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 15.169 triệu VNĐ (2006: 8.357 triệu VNĐ). Khoản vay này được hoàn trả trong 8 quý đều nhau bắt đầu từ ngày 1 tháng 9 năm 2007.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

- d. Khoản vay từ Ngân hàng Chinfon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được bảo lãnh bằng một số máy móc, thiết bị của Công ty tại Chi nhánh Tỉnh Hải Dương, Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 41.797 triệu VNĐ (2006: 50.318 triệu VNĐ). Khoản vay này được hoàn trả trong 9 kỳ sáu tháng đều nhau bắt đầu từ tháng 12 năm 2007.

**17. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VNĐ'000
Số dư đầu năm	1.749.094
Dự phòng lập trong năm	917.400
Dự phòng sử dụng trong năm	(93.091)
	<hr/>
Số dư cuối năm	2.573.403

**18. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và cổ phiếu đã phát hành của Công ty là:

	2007		2006	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	26.573.548	265.735.481	24.158.408	241.584.081
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	26.573.548	265.735.481	24.158.408	241.584.081
<b>Cổ phiếu ngân quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840)	(7.003)	(202.040)
<b>Cổ phiếu đang lưu thông</b>				
Cổ phiếu phổ thông	26.564.185	265.462.641	24.151.405	241.382.041

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với những cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**19. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ'000</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.377.585.548	1.288.383.461
Các khoản giảm trừ		
▪ Hàng bán bị trả	(2.365.547)	(924.704)
Doanh thu thuần	<u>1.375.220.001</u>	<u>1.287.458.757</u>

**20. Giá vốn hàng bán**

	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ'000</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	1.285.070.713	1.170.148.887
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.162.446)	20.359.744
	<u>1.270.908.267</u>	<u>1.190.508.631</u>

**21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ'000</b>
Thu nhập lãi	585.118	985.386
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.884.310	1.064.083
	<u>4.469.428</u>	<u>2.049.469</u>



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**22. Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ'000</b>
Chi phí lãi vay	38.807.687	28.150.676
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.716.386	6.836.282
	<hr/>	<hr/>
	43.524.073	34.986.958
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**23. Thu nhập khác**

	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ'000</b>
Lãi thanh lý tài sản cố định hữu hình	7.444.464	151.562
Thu nhập khác	6.936.224	9.441.334
	<hr/>	<hr/>
	14.380.688	9.592.896
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**24. Chi phí khác**

	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ'000</b>
Lỗ thanh lý tài sản cố định hữu hình	5.228.252	5.146
Chi phí khác	3.147.206	320.529
	<hr/>	<hr/>
	8.375.458	325.675
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**25. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ'000</b> <b>(Restated)</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	1.268.760	5.962.232
	<hr/> 1.268.760	<hr/> 5.962.232
<b>Chi phí thuế hoãn lại</b>		
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(2.415.427)	(817.997)
	<hr/> 1.146.667	<hr/> 5.144.235

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
Lợi nhuận trước thuế	7.253.619	33.327.281
	<hr/> 1.088.043	<hr/> 4.999.092
Thuế thu nhập 15%	3.008.537	2.650.749
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	(35.608)
Thu nhập không chịu thuế	<hr/> 4.096.580	<hr/> 7.614.233
Ảnh hưởng của miễn thuế	(1.559.060)	(1.652.001)
Ảnh hưởng của giảm thuế	(1.268.760)	-
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(2.415.427)	(817.997)
	<hr/> (1.146.667)	<hr/> (5.144.235)

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**(c) Thuế suất áp dụng**

Trụ sở chính của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 15% trên thu nhập tính thuế. Công ty được giảm 50% thuế suất thuế TNDN từ năm 2007 đến năm 2008.

Chi nhánh của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 15% trên thu nhập tính thuế cho mỗi kỳ trong 12 năm tính từ ngày thành lập và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty cũng được giảm thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận (2006) và được giảm 50% cho 4 năm tiếp theo.

Công ty có thể chuyển lỗ tính thuế phát sinh trong năm và bù lỗ cho lãi phát sinh trong những năm tiếp theo cho thời kỳ tối đa là 5 năm.

Quyết định mức thuế phải trả phải dựa trên sự giải thích hiện tại về quy định tính thuế. Tuy nhiên, các quy định này còn tùy thuộc vào những thay đổi định kỳ và kết quả cuối cùng thuế phải trả là do sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**26. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 dựa trên lỗ thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông là 8.400.286 VNĐ (2006: 28.277.975 VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 26.564.185 (2006: 26.566.545), được thực hiện như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ'000</b> <b>(Điều chỉnh lại)</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	8.400.286	28.277.975
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.400.286	28.277.975

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**(ii) Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông**

	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ'000</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	24.151.405	18.267.627
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm 2006	-	5.890.781
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức trong năm 2007	2.415.140	2.415.140
Cổ phiếu được mua lại	(2.360)	(7.003)
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	26.564.185	26.566.545
	<hr/>	<hr/>

**27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

<b>Các bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ'000</b>
Công ty TNHH	Công ty mẹ	Bán Dây và Cáp điện	13.929.835	46.919.837
Dây và Cáp điện Taya		Mua nguyên vật liệu	1.071.759.249	1.397.072.031
		Mua tài sản cố định	1.628.484	2.509.182
		Phí nhãn hiệu thương mại	1.370.026	1.299.338
		Phải thu thương mại	-	4.582.673
		Phải trả thương mại	107.312.380	124.839.452
			<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**28. Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<b>2007</b> <b>VNĐ'000</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ'000</b>
Trong vòng một năm	2.154.305	1.956.879
Từ hai đến năm năm	9.228.338	7.827.516
Trên năm năm	111.926.279	96.014.034
	<hr/>	<hr/>
	123.308.922	105.798.429
	<hr/>	<hr/>

Chi phí thuê hàng năm bao gồm phí thuê đất cho trụ sở chính của Công ty ở tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với phí thuê hàng năm tối thiểu là 105.247 Đô la Mỹ và phí cơ sở hạ tầng hàng năm là 28.445 Đô la Mỹ cho 50 năm bắt đầu từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Phí thuê đất tăng 15% sau mỗi kỳ 5 năm.

Công ty cũng được yêu cầu phải trả phí thuê đất cho chi nhánh của Công ty ở tỉnh Hải Dương. Phí thuê hàng năm là 5.957 Đô la Mỹ từ 8 năm sau khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động đến ngày 7 tháng 9 năm 2042.

Người lập:

Người duyệt:

Cheng Yu Mei  
*Kế toán trưởng*

Wang Yen Huang  
*Tổng Giám đốc*